

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG Á NĂM 2025

(Cập nhật: 26/06/2025)

I. Thông tin chung

Tên trường: Trường Đại Học Đông Á

Mã trường: DAD

Tên Tiếng Anh: Dong A University

Tên viết tắt: UDA

Địa chỉ: 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Website: <https://donga.edu.vn/>

II. Tuyển sinh đào tạo Đại học chính quy

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

a. Đối tượng dự tuyển:

Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên hoặc có bằng tốt nghiệp THPT của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

b. Điều kiện dự tuyển:

Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của các ngành trong các Đợt của năm tuyển sinh.

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

c. Phạm vi tuyển sinh:

Tuyển sinh các thí sinh trong nước và nước ngoài.

2. Phương thức tuyển sinh

a. Phương thức tuyển sinh

Thí sinh có thể đăng ký tất cả các phương thức. Khi xét tuyển, thí sinh đã trúng tuyển ở phương thức này sẽ không được tham gia xét tuyển bởi các phương thức tuyển sinh khác. Các phương thức thí sinh có thể đăng ký xét tuyển cho các ngành năm 2025 như sau:

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức 2: Xét tuyển sử dụng thi kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 3: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập lớp 12 bậc THPT (Kết quả cả năm lớp 12).

Phương thức 4: Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực (ĐGNL) do Đại học Quốc gia TP HCM tổ chức năm 2025.

Phương thức 5: Xét tuyển sử dụng kết quả đánh giá chứng chỉ năng lực ngoại ngữ Quốc tế bậc 3 hoặc tương đương trở lên (Trong thời hạn 2 năm tính đến thời điểm thông báo thu hồ sơ) kết hợp điểm các môn thi tốt nghiệp THPT 2025.

Phương thức 6: Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu. Áp dụng cho các ngành: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Thiết kế thời trang, Đồ họa, Quản lý văn hóa.

Phương thức 7: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài áp dụng cho các ngành Y khoa và Dược.

b. Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT) cho các phương thức xét tuyển

Điểm xét tuyển = (Điểm M1 + Điểm M2 + Điểm M3) + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (áp dụng cho phương thức 2,3,5,6).

Điểm xét tuyển = Điểm ĐGNL + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (áp dụng cho phương thức 4).

Điểm xét tuyển = Điểm trung bình cả năm lớp 12 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (áp dụng cho phương thức 3 nếu thí sinh sử dụng kết quả điểm TBC cả năm lớp 12).

Trong đó:

- **Điểm xét tuyển** được tính trên thang điểm 30, không vượt quá mức điểm tối đa là 30 và được làm tròn đến 02 chữ số thập phân.
- **Điểm M1, Điểm M2, Điểm M3:** Là kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc điểm trung bình chung môn học của năm lớp 12 trong các tổ hợp môn đăng ký xét tuyển vào các ngành.
- **Điểm cộng:** Điểm thưởng đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của Trường có thành tích nổi bật trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi hoặc đạt giải trong cuộc thi Khoa học, kỹ thuật, cuộc thi nghệ thuật (lĩnh vực âm nhạc) cấp tỉnh, thành phố cấp tỉnh, cấp Quốc gia và các hạng mục khác, thí sinh có thể áp dụng đồng thời nhiều mức điểm cộng tương ứng với các thành tích đạt được tuy nhiên điểm cộng không vượt 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét tuyển (3 điểm/thang 30 điểm). Thí sinh có thể xem chi tiết tại <https://donga.edu.vn/tuyensinh/>.
- **Điểm ưu tiên:** Điểm đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên (áp dụng theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo) giảm dần từ mức điểm 22,5 điểm để đảm bảo không vượt tổng 30 điểm.

- **Đối với nhóm ngành Pháp luật:** Đối với phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT, nếu tổ hợp xét tuyển có môn Toán và Ngữ văn thì mỗi môn phải đạt tối thiểu 6.0 điểm; nếu tổ hợp chỉ có Toán hoặc Ngữ văn thì môn có trong tổ hợp phải đạt tối thiểu 6.0 điểm. Các phương thức xét tuyển còn lại yêu cầu học lực cả năm lớp 12 đạt loại Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên
- **Đối với thí sinh sử dụng Điểm ĐGNL/ Điểm trung bình cả năm lớp 12:** Điểm xét tuyển sẽ được quy đổi tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT trước khi cộng Điểm cộng và Điểm ưu tiên.

c. Điểm nhận hồ sơ xét tuyển cho các phương thức xét tuyển

PT1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành (mã xét tuyển 301)

- Phương thức này áp dụng cho các ngành đào tạo.
- Tuyển thẳng đối với thí sinh đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 và Thông tư 06/2025/TT -BGDĐT ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non.

PT2: Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (mã xét tuyển 100)

- Phương thức này áp dụng cho các ngành đào tạo.
- Điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển được lấy từ kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.
- Điểm nhận hồ sơ xét tuyển được xác định là Tổng điểm 3 (ba) môn thi tốt nghiệp THPT trong tổ hợp xét tuyển vào từng ngành đào tạo + Điểm cộng + Điểm ưu tiên quy đổi (nếu có) theo quy chế hiện hành ≥ 15 điểm.
- Đối với các ngành đào tạo khối Sức khỏe và Giáo viên sẽ được Nhà trường thông báo ngưỡng điểm xét tuyển sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

PT3: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập lớp 12 bậc THPT (Kết quả cả năm lớp 12) (mã xét tuyển 200)

- Phương thức này áp dụng cho các ngành đào tạo.
 - Sử dụng kết quả học tập năm lớp 12 bậc THPT áp dụng cho tất cả các ngành đào tạo. Với hai cách thức xét tuyển:
1. **Xét tuyển dựa vào Tổng điểm của 3 (ba) môn học cả năm lớp 12 trong tổ hợp xét tuyển của từng ngành đào tạo $\Rightarrow 18,0$ điểm.**

2. Xét tuyển dựa vào điểm trung bình các môn học cả năm lớp 12 $\geq 6,0$.

- Đối với các ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Dược, Y Khoa: xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt trở lên (học lực xếp từ loại giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên, đối với Ngành Dược và Y Khoa trong bảng điểm học bạ năm lớp 12 phải có điểm tổng kết môn Hóa học hoặc Sinh học.
- Đối với các ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hồi chức năng: xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá trở lên (học lực xếp từ loại khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

PT4: Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP HCM tổ chức năm 2025 (mã xét tuyển 402)

- Phương thức này áp dụng cho các ngành đào tạo.
- Thí sinh được sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực các môn văn hóa do Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2025 để đăng ký xét tuyển vào các ngành đào tạo chính quy của Trường.
- Điểm nhận hồ sơ xét tuyển cho các ngành: Thí sinh có kết quả đánh giá năng lực từ 600 điểm trở lên. Riêng đối với nhóm ngành: Pháp luật, Điều dưỡng, Hộ sinh và Kỹ thuật phục hồi chức năng tổng điểm tối thiểu từ 720 điểm trở lên và có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá trở lên (học lực xếp từ loại khá trở lên). Ngành Y Khoa và Dược từ 800 điểm trở lên và có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt trở lên (học lực xếp từ loại giỏi trở lên).

PT5: Xét tuyển sử dụng kết quả đánh giá chứng chỉ năng lực ngoại ngữ quốc tế bậc 3 hoặc tương đương trở lên (Trong thời hạn 2 năm tính đến thời điểm thông báo thu hồ sơ) kết hợp điểm môn thi tốt nghiệp THPT 2025 (mã xét tuyển 409).

- Phương thức này áp dụng cho các ngành đào tạo
- Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương được quy đổi thành điểm tiếng Anh để xét tuyển kết hợp với kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đáp ứng tổng điểm xét tuyển theo các tổ hợp đạt tối thiểu 15 điểm.
- Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định **có dự thi** và có điểm tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 **thì không được** sử dụng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh thành điểm xét tuyển đại học theo phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

- Thang điểm quy đổi của các chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn thi ngoại ngữ trong tổ hợp đăng ký xét tuyển (nếu thí sinh có nguyện vọng) được xác định quy đổi như sau:

Ngôn Ngữ	Loại chứng chỉ	Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		
		Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5 trở lên
Tiếng Anh	IELTS	5.0 - 5.5	6.0 - 6.5	7.0 trở lên
	TOEFL Paper	447 – 510	513 – 547	550 trở lên
	TOEFL CBT	153 – 180	183 – 210	213 trở lên
	TOEFL IBT	53 – 64	65 – 78	79 trở lên
	TOEIC	601 – 700	701 – 900	901 trở lên
	VSTEP	5.5	6.0	7.0 trở lên
Tiếng Trung Quốc	HSK	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5 trở lên
Tiếng Hàn Quốc	TOPIK II	120 – 149	150 – 189	190 trở lên
Tiếng Nhật Bản	JLPT	N4	N3	N2 trở lên
Điểm môn ngoại ngữ quy đổi		8.0	9.0	10

PT6: Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu (mã xét tuyển 405)

- Phương thức này áp dụng cho các ngành: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Thiết kế thời trang, Đồ họa và Quản lý văn hóa.
- Trường tổ chức Thi tuyển các môn thi năng khiếu Hát, Múa, Kể chuyện/Đọc diễn cảm để xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học; Môn năng khiếu nghệ thuật để xét tuyển ngành Quản lý văn hóa và thi tuyển môn Vẽ mỹ thuật để xét tuyển ngành Thiết kế thời trang và Đồ họa. Thí sinh có thể sử dụng kết quả thi môn năng khiếu tại các Trường đại học có tổ chức thi trong cả nước để xét tuyển.

- Điểm nhận hồ sơ xét tuyển được xác định là: Tổng điểm 2 (hai) môn thi tốt nghiệp THPT trong tổ hợp xét tuyển vào từng ngành + Điểm thi năng khiếu + Điểm cộng + Điểm Ưu tiên đạt tối thiểu 15 điểm.
- Điểm năng khiếu chưa nhân hệ số phải đạt từ 5.0 điểm trở lên.

PT7: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (mã xét tuyển 411): Áp dụng ngành Dược và Y Khoa

- Thí sinh tốt nghiệp THPT và có kết quả học tập/hạng tốt nghiệp đạt từ loại Khá trở lên.
- Nhà trường sẽ tổ chức phỏng vấn kết hợp với đánh giá năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt mức tối thiểu Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

d. Điểm trúng tuyển

Điểm trúng tuyển Đợt 1 sẽ được công bố sau khi hoàn thành xét trúng tuyển trên hệ thống Quốc gia. Các Đợt bổ sung còn lại (nếu có) sẽ được Trường công bố thời gian cụ thể trên website của Trường. Công thức tính điểm trúng tuyển của các phương thức xét tuyển được xác định như sau:

► **Điểm Trúng tuyển** = Điểm tổng các môn (Tổ hợp môn xét tuyển)/Điểm ĐGNL/Điểm trung bình cả năm lớp 12 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (*làm tròn đến 02 chữ số thập phân*).

3. Ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh các cơ sở đào tạo

► **Chỉ tiêu tuyển sinh: 6.052 chỉ tiêu.**

Cơ sở đào tạo Đà Nẵng – Tổng chỉ tiêu 4.969

TT	Mã ngành	Tên ngành/chuyên ngành	Xét kết quả thi THPT (Theo tổ hợp xét tuyển)		Xét kết quả học bạ (Theo tổ hợp xét tuyển)		Xét điểm TBC lớp 12	Xét kết quả thi ĐGNL ĐHQG HCM
			Điểm XT	Tổ hợp XT	Điểm XT	Tổ hợp XT	Điểm XT	Điểm XT
1	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	≥ 15	C00, C04, D01, D09, D14, D15, X01, X02, X21	≥ 18	C00, C04, D01, D09, D14, D15, X01, X02, X21	≥ 6.0	≥ 600
2	7810201	Quản trị khách sạn						
3	7810202	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống						
4	7480106	Kỹ thuật máy tính	≥ 15	A00, A01, D01, X01, X02, X06, X07, X25, X26	≥ 18	A00, A01, D01, X01, X02, X06, X07, X25, X26	≥ 6.0	≥ 600
5	7480107	Trí tuệ nhân tạo						
6	7480201	Công nghệ thông tin						
7	7510103	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	≥ 15	A00, A01, A02, A04, C01, X05, X06, X07, X26	≥ 18	A00, A01, A02, A04, C01, X05, X06, X07, X26	≥ 6.0	≥ 600
8	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử						
9	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử						
11	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá						
10	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	≥ 15	A00, A01, A07, D01, D10, X01, X02, X17, X21	≥ 18	A00, A01, A07, D01, D10, X01, X02, X17, X21	≥ 6.0	≥ 600
12	7340101	Quản trị kinh doanh						
13	7340115	Marketing/ Digital Marketing						
14	7340122	Thương mại điện tử						
15	7340201	Tài chính - Ngân hàng						
16	7340301	Kế toán						
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	≥ 15		≥ 18		≥ 6.0	≥ 600

18	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc		C00, C03, C04 D01, D10, D14 X02, X70, X78		C00, C03, C04 D01, D10, D14 X02, X70, X78		
19	7220209	Ngôn ngữ Nhật						
20	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc						
21	7620101	Nông nghiệp	≥ 15	A00, A02, B00, B02, B03, B08, X09, X13, X14	≥ 18	A00, A02, B00, B02, B03, B08, X09, X13, X14	≥ 6.0	≥ 600
22	7540101	Công nghệ thực phẩm						
23	7640101	Thú y						
24	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	≥ 15	A00, A01, A02, A04, C01, X05, X06, X07, X26	≥ 18	A00, A01, A02, A04, C01, X05, X06, X07, X26	≥ 6.0	≥ 600
25	7340120	Kinh doanh quốc tế	≥ 15	A07, C04, D01, D09, D10, X01, X02, X17, X21	≥ 18	A07, C04, D01, D09, D10, X01, X02, X17, X21	≥ 6.0	≥ 600
26	7310401	Tâm lý học	≥ 15	B03, C00, C03, C04, D01, D15, X02, X17, X70	≥ 18	B03, C00, C03, C04, D01, D15, X02, X17, X70	≥ 6.0	≥ 600
27	7229030	Văn học	≥ 15	C00, C03, C04, D01, D14, D15, X02, X70, X78	≥ 18	C00, C03, C04, D01, D14, D15, X02, X70, X78	≥ 6.0	≥ 600
28	7229042	Quản lý văn hoá ⁽¹⁾	≥ 15	B03, C00, C03, C04, D01, M06, X02, X17, X70	≥ 18	B03, C00, C03, C04, D01, M06, X02, X17, X70	≥ 6.0	≥ 600
29	7210104	Đồ hoạ ⁽¹⁾	≥ 15	A01, D01, V00, V01, V02, V04, X02, X06, X07	≥ 18	A01, D01, V00, V01, V02, V04, X02, X06, X07	≥ 6.0	≥ 600

30	7210404	Thiết kế thời trang ⁽¹⁾	≥ 15	D01, X02, X07, X21, X27, V01 V02, V03, H06	≥ 18	D01, X02, X07, X21, X27, V01 V02, V03, H06	≥ 6.0	≥ 600
31	7320104	Truyền thông đa phương tiện	≥ 15	A00, A01, C00, D01, D14, X01, X02, X17, X21	≥ 18	A00, A01, C00, D01, D14, X01, X02, X17, X21	≥ 6.0	≥ 600
32	7340404	Quản trị nhân lực	≥ 15	A07, C00, D01, D09, D14, X01, X02, X25, X78	≥ 18	A07, C00, D01, D09, D14, X01, X02, X25, X78	≥ 6.0	≥ 600
33	7340406	Quản trị văn phòng						
34	7380101	Luật ⁽²⁾	≥15	A01, C00, C03, C04, D01, D14, X01, X02, X25	≥ 19.5	A01, C00, C03, C04, D01, D14, X01, X02, X25	≥ 6.5	≥ 720
35	7380107	Luật kinh tế ⁽²⁾						
36	7720401	Dinh dưỡng	≥ 15	A00, A02, B00, B03, B08, D07, X11, X13, X14	≥ 18	A00, A02, B00, B03, B08, D07, X11, X13, X14	≥ 6.0	≥ 600
37	7720302	Hộ sinh ⁽³⁾	Công bố trước 22/7		≥19.5		≥ 6.5	≥ 720
38	7720301	Điều dưỡng ⁽³⁾						
39	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng ⁽³⁾						
40	7720201	Dược học ⁽³⁾		≥ 24	A00, A02, B00, B08, D07, X09, X11, X13, X14	≥ 8.0	≥ 800	
41	7720101	Y khoa ⁽⁴⁾		≥ 24		≥ 8.0	≥ 800	
42	7140201	Giáo dục Mầm non ⁽⁵⁾		≥ 24	B03, C00, C03, C04, D01, D15, M06, X02, X70	≥ 8.0	≥ 800	
43	7140202	Giáo dục Tiểu học ⁽⁵⁾		≥ 24		≥ 8.0	≥ 800	

Phân hiệu tại tỉnh Đắk Lắk - Tổng chỉ tiêu 1.083

TT	Mã ngành	Tên ngành/chuyên ngành	Xét kết quả thi THPT (Theo tổ hợp xét tuyển)		Xét kết quả học bạ (Theo tổ hợp xét tuyển)		Xét điểm TBC lớp 12	Xét kết quả thi ĐGNL ĐHQG HCM
			Điểm XT	Tổ hợp XT	Điểm XT	Tổ hợp XT	Điểm XT	Điểm XT
1	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	≥ 15	C00, C04, D01, D09, D14, D15, X01, X02, X21	≥ 18	C00, C04, D01, D09, D14, D15, X01, X02, X21	≥ 6.0	≥ 600
2	7810201	Quản trị khách sạn						
3	7480201	Công nghệ thông tin	≥ 15	A00, A01, D01, X01, X02, X06, X07, X25, X26	≥ 18	A00, A01, D01, X01, X02, X06, X07, X25, X26	≥ 6.0	≥ 600
4	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	≥ 15	A00, A01, A02, A04, C01, X05, X06, X07, X26	≥ 18	A00, A01, A02, A04, C01, X05, X06, X07, X26	≥ 6.0	≥ 600
5	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	≥ 15	A00, A01, A07, D01, D10, X01, X02, X17, X21	≥ 18	A00, A01, A07, D01, D10, X01, X02, X17, X21	≥ 6.0	≥ 600
6	7340101	Quản trị kinh doanh						
7	7340115	Marketing/ Digital Marketing						
8	7340301	Kế toán						
9	7220201	Ngôn ngữ Anh	≥ 15	C00, C03, C04 D01, D10, D14 X02, X70, X78	≥ 18	C00, C03, C04 D01, D10, D14 X02, X70, X78	≥ 6.0	≥ 600
10	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc						
11	7620101	Nông nghiệp	≥ 15	A00, A02, B00, B02, B03, B08, X09, X13, X14	≥ 18	A00, A02, B00, B02, B03, B08, X09, X13, X14	≥ 6.0	≥ 600
12	7540101	Công nghệ thực phẩm						

13	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	≥ 15	A00, A01, A02, A04, C01, X05, X06, X07, X26	≥ 18	A00, A01, A02, A04, C01, X05, X06, X07, X26	≥ 6.0	≥ 600
14	7320104	Truyền thông đa phương tiện	≥ 15	A00, A01, C00, D01, D14, X01, X02, X17, X21	≥ 18	A00, A01, C00, D01, D14, X01, X02, X17, X21	≥ 6.0	≥ 600
15	7380107	Luật kinh tế ⁽²⁾	≥ 15	A01, C00, C03, C04, D01, D14, X01, X02, X25	≥ 19.5	A01, C00, C03, C04, D01, D14, X01, X02, X25	≥ 6.5	≥ 720
16	7720301	Điều dưỡng ⁽³⁾	Công bố trước 22/7	A00, A02, B00, B03, B08, D07, X11, X13, X14	≥ 19.5	A00, A02, B00, B03, B08, D07, X11, X13, X14	≥ 6.5	≥ 720

(1) Thí sinh đăng ký vào các ngành sử dụng tổ hợp môn có môn thi năng khiếu để xét tuyển được xét trúng tuyển khi điểm thi môn năng khiếu phải đạt từ 5.0 trở lên.

(2) Thí sinh đăng ký khối ngành Luật (Luật, Luật Kinh tế): Đối với phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT, nếu tổ hợp xét tuyển có môn Toán và Ngữ văn thì mỗi môn phải đạt tối thiểu 6.0 điểm; nếu tổ hợp chỉ có Toán hoặc Ngữ văn thì môn có trong tổ hợp phải đạt tối thiểu 6.0 điểm. Các phương thức xét tuyển còn lại yêu cầu học lực cả năm lớp 12 đạt loại Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

(3) Điểm xét tuyển theo phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT phải đạt theo điểm sàn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo dự kiến công bố trước ngày 22/07/2025. Phải có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá trở lên (học lực xếp từ loại khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên nếu xét các phương thức còn lại.

(4), (5) Điểm xét tuyển theo phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT phải đạt theo điểm sàn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo dự kiến công bố trước ngày 22/07/2025. Các phương thức xét tuyển còn lại thí sinh phải có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt trở lên (học lực xếp từ loại giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên, đối với Ngành Dược và Y Khoa trong bảng điểm học bạ năm lớp 12 phải có điểm tổng kết môn Hóa học hoặc Sinh học. Ngành

Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học Nhà trường thực hiện tuyển sinh khi có chỉ tiêu Bộ GD & ĐT giao.

4. Thông tin khác

a. Tổ chức thi năng khiếu (Áp dụng cho thí sinh đăng ký vào các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp đăng ký xét tuyển)

Hình thức	Nội dung
Môn thi	Thí sinh đăng ký dự thi năng khiếu để lấy điểm xét tuyển vào các ngành mà tổ hợp môn có môn năng khiếu. ▪ Ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học; Quản lý văn hóa thi các môn năng khiếu: Hát; Múa; Kể chuyện/Đọc diễn cảm. ▪ Ngành Quản lý văn hóa: Môn năng khiếu nghệ thuật, thí sinh chọn một trong các môn: Hát; Múa; Đàn; Diễn kịch; Thuyết trình ▪ Ngành Thiết kế thời trang, Đồ họa: Môn Vẽ mỹ thuật. Thí sinh có thể sử dụng kết quả thi môn năng khiếu tại các Trường đại học có tổ chức thi trong cả nước để xét tuyển.
Thời gian và địa điểm thi	Thời gian nhận hồ sơ: Xem thông báo chi tiết tại website: https://donga.edu.vn/tuyensinh Dự kiến tổ chức các đợt thi: ▪ F Đợt 1: 04 - 05/07/2025; ▪ F Đợt 2: 01 - 02/08/2025. Địa điểm thi: tại Trường Đại học Đông Á địa chỉ 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
Hồ sơ đăng ký và dự thi năng khiếu	Thí sinh đăng ký dự thi trực tiếp tại Trường hoặc trực tuyến tại website https://donga.edu.vn/tuyensinh, Khi dự thi, thí sinh cần mang theo: Giấy báo dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT; Căn cước công dân.

b. Thời gian, đăng ký và xét tuyển

Thời gian đăng ký xét tuyển:

Đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025.

Ngay sau Đợt 1, Trường tổ chức xét tuyển các Đợt bổ sung cho các ngành chưa đủ chỉ tiêu, mỗi đợt nhận hồ sơ trong 10 ngày. Lịch cụ thể được đăng tải trên website của Trường.

Đăng ký và xét tuyển

Đăng ký trực tuyến tại website

Cơ sở đào tạo Đà Nẵng: <https://donga.edu.vn/tuyensinh/dang-ky>

Phân hiệu tại tỉnh Đắk Lắk: <https://daklak.donga.edu.vn/tuyen-sinh/xet-tuyen-truc-tuyen>

Thí sinh gửi phát nhanh hồ sơ xét tuyển qua đường bưu điện hoặc đến nộp trực tiếp tại Trường Đại học Đông Á.

Thí sinh có thể đến nhận Giấy báo trực tiếp tại Trường để làm thủ tục nhập học hoặc truy cập tại website để biết thông tin chi tiết: <https://donga.edu.vn/tracuuketqua>.

Nhà trường ưu tiên gửi thông tin tuyển sinh và kết quả xét tuyển cho thí sinh qua các kênh như: website, tin nhắn, email. Giới thiệu cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Đông Á để hướng dẫn các thủ tục cần thiết, nhằm giúp thí sinh có thêm nhiều thông tin, cơ hội để chọn Trường, trước khi có kết quả tốt nghiệp THPT.

- **Cách 1:** Đăng ký trực tuyến – Hướng dẫn làm hồ sơ trực tuyến
- **Cách 2:** Gửi hồ sơ qua đường bưu điện tới địa chỉ đào tạo của trường: Số 36 đường Trung Văn – Phường Trung Văn – Quận Nam Từ Liêm – Hà Nội.
- **Cách 3:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Văn phòng tuyển sinh nhà trường.

c. Hồ sơ đăng ký xét tuyển đầu vào ngành cao đẳng chính quy gồm:

** Đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập THPT hoặc xét kết quả thi ĐGNL của ĐHQG TPHCM*

- Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Nhà trường);
- Xét kết quả học tập THPT: Học bạ THPT (bản sao có chứng thực);
- Xét kết quả thi ĐGNL: Giấy chứng nhận kết quả thi (bản sao có chứng thực);
- Bảng tốt nghiệp THPT/THPT(GDTX) (bản sao có chứng thực) hoặc Chứng nhận tốt nghiệp tạm thời THPT (Đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2025).
- Thí sinh cần thực hiện đăng ký ngành học trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT để được xét trúng tuyển chính thức. Thực hiện đăng ký xét tuyển trên Hệ thống (Từ 16/7 đến 17h, 28/7/2025).
- Thí sinh thể hiện nguyện vọng đăng ký như sau:
 - Nguyện vọng: Số thứ tự nguyện vọng;
 - Mã Trường: DAD;
 - Mã ngành {Mã ngành};
 - Phương thức: Xét kết quả học tập THPT hoặc xét kết quả thi ĐGNL của ĐHQG TPHCM.

** Đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả Kỳ thi TN THPT:*

- Thực hiện đăng ký trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- Thí sinh thể hiện nguyện vọng đăng ký như sau: Nguyện vọng: Số thứ tự nguyện vọng; Mã Trường: DAD; Mã ngành {Mã ngành}; Phương thức: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Thời gian đăng ký xét tuyển trên Hệ thống (Từ 16/7 đến 17h, 28/7/2025).
- Hồ sơ sẽ nộp khi làm thủ tục nhập học theo yêu cầu của giấy báo trúng tuyển.

d. Nhập học

Thí sinh làm thủ tục nhập học từ ngày 21 - 24/08/2025, theo 1 trong 2 cách sau:

1. Trực tuyến tại địa chỉ <http://nhaphoc.donga.edu.vn/>.
2. Trực tiếp theo địa chỉ:
 - Thí sinh đăng ký học tại Đà Nẵng: 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh – Hải Châu – Đà Nẵng.
 - Thí sinh đăng ký học tại Phân hiệu tỉnh Đắk Lắk: 40 Phạm Hùng – Tân An – Đắk Lắk.

Thí sinh nộp học phí bằng cách chuyển khoản về tài khoản của Trường:

Nhập học tại Đà Nẵng 1. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNN (Agribank) CN. Ông Ích Khiêm - Nam Đà Nẵng 2. Tên thụ hưởng: Trường Đại học Đông Á 3. Số tài khoản: 2007 201 004 615 4. Nội dung nộp tiền: Họ và tên - HP nhập học – Mã hồ sơ – Số CCCD	Nhập học tại Phân hiệu Đắk Lắk 1. Ngân hàng Vietinbank – CN Đà Nẵng 2. Tên thụ hưởng Trường Đại học Đông Á 3. Số tài khoản: 110000008741 4. Nội dung nộp tiền: Họ và tên - HP nhập học – Mã hồ sơ – Số CCCD
--	--